TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08-01-2021
V/v Tranh chấp:
"Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Hoa**.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
+Ông Đỗ Ngọc Bình.
+ Bà Dương Thị Hương.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa ông Phạm Nhật Minh– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số:739/2020/TLST-HNGĐ ngày 29-10-2020 về việc tranh chấp "Yêu cầu ly hôn", Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2020/QĐXX-ST ngày 04-12-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2020/QĐHPT ngày 21-12-2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Trịnh Thị Hồng N, sinh năm: 1992 (có mặt).
Địa chỉ: 17/6, đường Đ, phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú:1036, tổ 33^{B}, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2/ *Bị đơn:* Phạm Giang N1, sinh năm: 1988 (vắng mặt).
Địa chỉ: 17/6, đường Đ, phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú: 81, đường D, phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Trịnh Thị Hồng N trình bày***:**

Chị và anh Phạm Giang N1 chung sống với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016**,** thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cách sống mỗi người khác nhau, không hợp tính tính, anh N1 không lo làm ăn, tôi muốn có con nhưng anh N1 không đồng ý, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, chị về cha mẹ ruột sống ở xã B-huyện C. Đến năm 2019, thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Giang N1.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung không có.

Anh Phạm Giang N1 được Tòa án triệu tập, tống đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh N1 không đến tham gia các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng, nhưng anh N1 cũng không gởi văn bản trình bày ý kiến của anh để cho Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa chị Trịnh Thị Hồng N và anh Phạm Giang N1 là tranh chấp "Yêu cầu ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyền của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa chị Trịnh Thị Hồng N yêu cầu ly hôn với anh Phạm Giang N1; Con chung Không có; Tài sản chung, nợ chung không có.

[3] Anh Phạm Giang N1 được Tòa án tống đạt hợp lệ niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh N1 không đến tham dự phiên tòa và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của anh để nghị Hội đồng xét xử xem xét. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Giang N1.

Xét các yêu cầu của đương sự:

[1] Về hôn nhân: Xét thấy chị Trịnh Thị Hồng N và anh Phạm Giang N1 chung sống với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn 2014 tại UBND phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về việc có con, không hợp tính tình, mỗi người có một quan điểm sống, anh N1 không lo làm ăn, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, chị N về cha mẹ ruột sống, anh N1 không tới lui với chị N để trao đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa chị N yêu cầu ly hôn anh Phạm Giang N1. Anh N1 không đến tham gia phiên tòa cũng không gởi văn bản trình bày ý kiến cho Hội đồng xét xử xem xét coi như anh N1 đã từ bỏ ý kiến của anh N1 đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị N, anh N1 đã rạn nức mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Chị N yêu cầu ly hôn với anh N1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Hồng N.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Trịnh Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39 Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị Hồng N

- Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị Hồng N được ly hôn với anh Phạm Giang N1.

- Về con chung: Không có.

-Tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

2/ Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Trịnh Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai số 0002316 ngày 29-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/ Chị Trịnh Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phạm Giang N1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Võ Thị Ngọc Hoa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
(Đăng ký kết hôn năm 2014; UBND Phường T,TP M-TG)
- Lưu hồ sơ.